TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2024/DS-ST
Ngày: **25-7-2024**
V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đỗ Kim Giang**
Ông Mai Xuân Thành

Thư ký phiên tòa: **Bà Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Văn Phương** –Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2023/TLST - DS ngày 18-12-2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 15/2024/QĐST-DS ngày 02-7-2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T** – sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn t, huyện bên, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Đăng T** – sinh năm 1958. Có mặt.

HKTT: Ấp 2 T, xã bâm, huyện xộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Đường N95B, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thế V** – sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ln, huyện P, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Xuân S** – sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Hàn Văn T** – sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: 109/36/8/6, tổ 3, khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thị T - ông Trần Đăng T trình bày:**

Ngày 04/11/2022, ông Nguyễn Thế V hỏi vay của bà T, ông S số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Việc vay mượn có lập thành văn bản, có chữ ký, chữ viết của bên cho vay và bên vay. Lãi suất thoả Tận miệng 3%/tháng, tiền lãi trả vào ngày 04 hàng tháng, lãi suất không thể hiện trong hợp đồng vay tiền; thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 04/11/2022 đến ngày 04/02/2023, tiền nợ gốc và tiền lãi trả vào tháng cuối cùng. Ông V đã nhận đủ số tiền 800 triệu đồng tiền mặt tại thời điểm ký hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên, ông V chỉ thực hiện việc trả tiền lãi đúng 01 tháng là 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng), còn lại ông V không trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo thoả Tận cho bà T, ông S mặc dù bà T, ông S yêu cầu trả nhiều lần. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông V trả bà T, ông S số tiền nợ gốc 800 triệu đồng và tiền lãi 3%/tháng x 12 tháng = 288.000.000đ (Hai trăm tám mươi tám triệu đồng) và tiếp tục trả lãi cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn ông Nguyễn Thế V trình bày:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng ông V không đến Toà án làm việc theo giấy triệu tập nên Toà án không lấy được lời khai của ông V.

*** Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân S - ông Hàn Văn T trình bày:**

Ông T thống nhất như lời khai của ông T.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần Đăng T thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Thế V phải trả bà Trần Thị T và ông Phạm Xuân S số tiền nợ gốc 800 triệu đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật sau khi trừ đi số tiền lãi 24.000.000 đồng đã trả bà T, ông S.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông V thanh toán số tiền gốc 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định từ ngày 05/02/2023 đến nay.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thế V phải trả số tiền nợ vay. Bị đơn ông V cư trú tại thôn 5, xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự văng mặt của đương sự:* Bị đơn ông Nguyễn Thế V mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn văng mặt tại phiên toà 02 lần. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông V trả số tiền nợ gốc 800 triệu đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật. Nguyên đơn xuất trình căn cứ khởi kiện là Hợp đồng vay tiền lập ngày 04/11/2022 có nội dung bà T, ông S cho ông V vay số tiền 800 triệu đồng, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 04/11/2022 đến ngày 04/02/2023. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được giao hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông V không đến Toà án và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải T thập, cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ T thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Về số tiền nợ gốc: Căn cứ vảo Hợp đồng vay tiền lập ngày 04/11/2022 thể hiện nội dung bà T, ông S cho ông V vay số tiền 800 triệu đồng, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 04/11/2022 đến ngày 04/02/2023. Như vậy, căn cứ vào nội dung hợp đồng thì ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà T, ông S nên yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị Toà án giải quyết buộc ông ông V phải trả số tiền nợ gốc 800 triệu đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Hợp đồng vay tiền lập ngày 04/11/2022 không thể hiện thoả Tận về lãi suất bên vay phải trả nên theo quy định của pháp luật thì đây là hợp đồng vay không có lãi suất. Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm

2015 thì nghĩa vụ trả tiền lãi của ông V tính từ ngày 05/02/2023 đến ngày xét xử, cụ thể:

800.000.000 đồng x 17 tháng 20 ngày x 10%/năm (0,83%/tháng) = 117.780.000 đồng - 24.000.000 đồng (số tiền lãi ông V đã trả bà T, ông S) = 93.780.000đ (Chín mươi ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

[2]. Về án phí: 36.000.000 đồng x 3%(93.780.000 đồng) = 38.813.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 274, 275, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc ông Nguyễn Thế V phải trả bà Trần Thị T và ông Phạm Xuân S tổng số tiền 893.780.000đ (Tám trăm chín mươi ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), tiền lãi: 93.780.000đ (Chín mươi ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà T, ông S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông V chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Ông Nguyễn Thế V phải chịu số tiền án phí 38.813.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).

Trả lại bà T số tiền tạm ứng án phí 22.320.000đ (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) theo Biên lai T tiền số 0016542 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hải